

CHỨNG-THƯ HÀNH-CHÁNH

ĐƠN-VỊ THIẾT LẬP

KBC. 4667

PHẦN I. - QUÂN-VỤ và IỘ-TỊCH (SQ/GTNV lập)

1.- HỌ TÊN NGUYỄN-VĂN-SANG 2.- CẤP BẬC Tư-mục-ly 3.- SỐ QUÂN 41/109.657

4.- THẺ CĂN-CƯỚC DÂN SỰ: Số / Cấp tại / Ngày /

5.- CNQS: 240.0 6.- Ngày sinh 1941 Nơi sinh Hoài-An (Định-Hà)

7.- NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY: 16-11-1960 Với tư cách ĐQ-28
Tiền quân vụ Đ năm 06 Tháng 03 ngày Từ 16-11-60 Đến 19-05-1974

8.- GIÁN ĐOẠN QUÂN-VỤ: - Từ / Đến / Lý do /
- Từ / Đến / Lý do /

9.- GIẢI NGŨ NGÀY: / Lý do /
/ Lý do /

10.- LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÁNH

a)- ☒ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☐ Đường sự bị phế tật
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phế-binh : ☐ Đường sự bị mất tích
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng quả phụ : ☒ Đường sự tạ thế
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng tổ phụ : Ngày 19 tháng 05 năm 1974 tại TĐ-VH: 002.338
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhi : (Kính-Sung)
☐ CTHC được cấp cho người thừa kế : Lý do Tử-trong-trong-khi-dao-chiến-với
☐ CTHC được cấp cho người giám hộ : sông-quân
Ho tên và địa-chỉ: Vq: PHAN-THỊ-MÂN - Có qui trách công-vụ ☒ (Cố)
Số 68/3 Ấp Đông-Hung Xã Thạnh-Đông Kiên-Tại - Không qui-trách công-vụ ☐
Định-Hà Kiên-Giang

11.- HỌ TÊN CHA MẸ: Ông NGUYỄN-SANG Sinh ngày / (sống) (~~chết~~)
Bà TRẦN-THỊ-THƯỢNG Sinh ngày / (sống) (~~chết~~)

12.- GIA CẢNH: ☐ Độc thân ☒ Có vợ ☐ Góa vợ Số con 01 con

13.- NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và tên: PHAN-THỊ-MÂN Sinh ngày 1942
Nơi sinh Thạnh-Hòa (Định-Gia) Nghề nghiệp Buôn-Bán
Địa chỉ: 68/3 Ấp Đông-Hung Xã Thạnh-Đông Kiên-Tại Kiên-Giang
☒ Trích-lục hôn thú ☐ Chứng thư thể-vi hôn thú ☐ Ấn thể vi hôn-thú
Số hiệu 80 Đăng ký ngày 31/07-1962 tại Thạnh-Đông Kiên-Giang

14.- CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành-niên)

HỌ TÊN (a)	Ngày sinh (b)	Trai, gái (c)	Loại con (d)	VĂN KIỆN THAM CHIẾU			
				Loại (e)	Số (f)	Ngày (g)	Nơi Đăng ký
1/NGUYỄN-THỊ NGUYỄN-DIỆP	23-05-63	Gái	C-Tuất	K.Sanh	321	26-05-63	Xã Thạnh-Đông
2/NGUYỄN-THỊ NGUYỄN-HƯƠNG	23-05-65	/	/	/	277	27-05-65	/
3/NGUYỄN-THỊ NGUYỄN-DIỆP	18-05-66	T/gai	/	/	397	24-05-66	/
4/NGUYỄN-DIE-HAI	04-06-67	/	/	/	396	05-06-67	/
5/NGUYỄN-NHƯ-ANG	14-05-68	/	/	/	552	16-05-68	/
6/NGUYỄN-NHƯ-PHƯỚC	07-07-72	/	/	/	460	10-07-72	/
7/NGUYỄN-NHƯ-CHU	29-03-73	/	/	/	193	05-04-73	/

PHẦN II. - CHIẾT TÍNH LƯƠNG BÓNG và TRỢ CẤP (SQ Tài-Chánh lập)

15. - LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG SỰ : Cấp bậc Thiếu tá Bạc lương 12 Chỉ số lương _____
 Phụ cấp gia đình 0 Vợ với số con 0 Phụ cấp đất đỏ vùng _____
 (ngoại trừ phụ cấp chức-vụ, giao-tế phí và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) _____
 Chiết tính như sau :
 - Lương căn bản 19.300,00
 - Phụ cấp vợ 1.800,00
 - Phụ cấp con 3.500,00
 - Phụ cấp đất đỏ 11
 - Tăng khoản tạm thời _____
 - Phụ cấp khác (nếu có) _____
 CỘNG : 30.600,00

LƯƠNG BẢN THÂN :

- Lương căn bản _____
 - (kể cả phụ-khoản chuyên môn) _____
 - Phụ-cấp đất đỏ _____
 - Tăng khoản tạm thời _____
 - Phụ-cấp đặc-biệt _____
 CỘNG : _____

PHỤ-CẤP VỢ CON :

- Phụ cấp vợ _____
 (GD + ĐĐ + TKTT) _____
 (Phụ cấp con) _____
 (GD + ĐĐ + TKTT) _____
 CỘNG : _____

16. - TRỢ CẤP TỬ TUẤT : (Toàn thể hay tức thời) Toàn thể (bằng một hoặc hai hoặc mười hai) 12
 Lẫn số lương tháng cuối cùng chiết tính nơi Mục 15, thành tiền là _____
 (Viết số lập lại toàn bằng chữ) Ba mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng chẵn.
(36.600,00 x 12 = 367.200 - 356.800,00 = 10.800,00) Phát cho thân-kế
 đã được ứng trả trước ngày _____ tháng _____ năm _____ cho người thừa kế hữu-quyền là (tên họ) _____
Vợ: TRẦN-THỊ-LAM

(Chiết HT số 3761 / Q.L. / CTT / HCI / A ngày 26-3-1965)

PHẦN III. CHỨNG THỰC

17. - CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng-Phòng TQT hay Nhân viên) (Cấp bậc) <u>Thiếu tá</u> (Họ tên) <u>TRẦN-BÁ-LINH</u> (Chức vụ) <u>Trưởng Phòng Tổng Quản-Trị</u>	Ngày <u>21-09</u> <u>1974</u>	Chữ Ký <u>Đại-úy TRẦN-HOÀNG-NGUYỄN</u> <u>Sĩ-Quan Phụ-Tá (Ký-Tên)</u>
18. - CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh) (Cấp bậc) <u>Đại-úy</u> (Họ tên) <u>HUỖ-HOÀ-TRUNG</u> (Chức vụ) <u>Sĩ-Quan Tài-Chánh</u>	Ngày <u>20-11</u> <u>1974</u>	Chữ Ký

19. - CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ TRƯỞNG TỰ TRỊ HÀNH-CHÁNH.

KBC. 6157 , ngày 20 tháng 11 năm 1974

CẤP BẬC, HỌ TÊN và CHỨC-VỤ

Thiếu tá HÀ-HOÀ-TUYẾN

XÉT V/CV Chỉ-Huy-Trưởng TT HTTV Kiên-Giang

AO Y BẢN-CHÁNH :

"Đoàn Bô-Tư Hô-Sơ Quản-Đoàn-Hu"

Chữ ký ấn dấu

(Ấn-Ký)

KBC.4667 Ngày 10 Tháng 04 Năm 1975

TIỂU-KHU-TRƯỞNG

Đoàn Bô-Tư Hô-Sơ Quản-Đoàn-Hu

Trưởng Phòng TQT



Mezuyen

TRƯỞNG TỰ TRỊ HÀNH-CHÁNH
QUẢN-ĐOÀN-TỰ-TRỊ

Thân Gởi:

* Bà em Tiến Hồi từ miền chính trị VIỆT NAM

- Piece yêu: về việc xin báo ph

* Các thân bà, và, quý Hỡi.

Chị em chào cô tên dưới đây:

1) Nguyễn Tài Ngọc Hiệp Sinh ngày 20-05 năm 1963

2) Nguyễn Tài Ngọc Hiệp Sinh ngày 24-05 năm 1966

Sau những năm dài gian khổ, nay, các chị thoát khỏi ngục tù Cộng Sản - VIỆT NAM - đến đảo Nalai ngày 04-01-1990 Me: 582, kính xin quý bà và quý Hỡi

chị hết hoàn cảnh của chúng cháu sau đây.

Cũng, cháu là con cháu miền - Bắc gia - nghiệp từ cha là cô Trung Mỹ. Nguyễn Văn Công - 30' Quân - 40/109.657 trước tiên kêu: Kiên Giang bị tù năm 1974, đã có lập danh sách gởi cho Hội cứu Quốc miền Tây Mỹ, ngày 2/90 nên con mẹ, và 3 em từ Việt Nam, chúng cháu đến đảo sau ngày 14/3/90 đến giờ, qua phần lớn của chính từ miền Bắc, số phận của chúng cháu rất là khốn khổ, ít may mắn, em, cuộc sống ở trại rất là cực tạp đủ mọi - mặc - phần em Nguyễn Tài Ngọc Hiệp - bị bệnh, sưng và viêm mũi, lại bệnh ho hàng tuần, không thể ra ngoài cũng như tại đảo, cuộc sống hàng ngày chỉ có lương thực, cấp phát và công tay trên đảo, các các em nữ liên hiệp Quốc nên vô cùng bị đói - trên gai đâm xuống, bị muỗi cắn, muỗi, chúng nó số phận sẽ về đâu! Việc của chúng tôi đến tới nên nên không may mắn đâu - phần lớn - nên rất là khổ quá và lo âu.

Ước vọng, sự việc nên trên chúng ta biết rằng xin quý bà, quý Hỡi - như lòng miền, đảo, biết ai lo lắng, chúng cháu, có chủ dụng phần, được sống ở nước tự do, chúng cháu đặt hết niềm tin tưởng vào quý bà, và quý Hỡi, em vớt chúng

TB - cháu trong cơn hi vọng này. Xin nguyện gởi ơn suốt đời...

- Chúng cháu xin kính

Pulautidong - ngày 28-07-1990

Kính đơn

1- gửi chúng tôi anh em

lưu em - để làm bằng chứng.

Quý bà và quý Hỡi xem hết lòng xin ơn lại cháu, em xin tên.

Nguyễn Tài Ngọc Hiệp

FROM : NGUYEN THI DIEP MC 582
CAMP P. BIDONG KUALA LUMPUR
MALAYSIA



AUG 12 1990

TC. KHUC MINH THO
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION
P.O BOX 5435 ARLINGTON
V.A 22205 0635

U.S.A